

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán  
ngân sách địa phương quý I năm 2019, tỉnh Bình Phước

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ bảy về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2019, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2844/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 828/TTr-STC ngày 19/4/2019 về việc công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2019, tỉnh Bình Phước,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2019, tỉnh Bình Phước (theo các biểu và phụ lục kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VKSND, TAND tỉnh;
- VPUB: LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



*Huỳnh Thị Hằng*

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 1122 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2019 của UBND tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN		So sánh (%)		
		Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	Quý I/2018	Quý I/2019	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh quyết định	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	4/1	4/2	4/3
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	5.777.000	7.500.000	1.890.381	1.742.148	30	23	92
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	5.777.000	7.500.000	1.890.381	1.742.148	30	23	92
1	Thu nội địa	5.115.000	6.815.000	1.753.944	1.596.234	31	23	91
2	Thu từ dầu thô							
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	662.000	685.000	136.437	145.914	22	21	107
4	Thu viện trợ							
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>							
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	8.395.376	10.193.449	2.106.231	2.166.141	26	21	103
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	7.513.400	10.153.662	2.106.231	2.156.194	29	21	102
1	Chi đầu tư phát triển	1.576.905	3.137.477	798.942	774.373	49	25	97
2	Chi thường xuyên	5.785.125	6.472.436	1.279.864	1.314.544	23	20	103
3	Chi trích lập quỹ phát triển đất	-	17.000	-	-	-	-	
4	Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	-	-	-	-	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN		So sánh (%)		
		Bộ Tài chính giao	HDND tỉnh quyết định	Quý I/2018	Quý I/2019	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HDND tỉnh quyết định	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	4/1	4/2	4/3
5	Chi thực hiện cải cách tiền lương	-	164.198	8.750	41.050		25	469
6	Chi thực hiện tinh giản biên chế theo Quyết định số 999-QĐ/TU	-	39.912	-	9.978		25	
7	Chi cho các nhiệm vụ từ nguồn tăng thu cân đối dự toán năm 2019 so với dự toán điều chỉnh năm 2018	-	64.998	18.675	16.250		25	87
8	Chi đầu tư các dự án CNTT	-	70.000	-	-		-	
9	Dự phòng	150.370	186.641	-	-	-	-	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>	<b>881.976</b>	<b>39.787</b>	<b>-</b>	<b>9.947</b>	<b>1</b>	<b>25</b>	
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP</b>							
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>							

## THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2019 của UBND tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán		Số thực hiện		So sánh (%)		
		Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	Quý I/2018	Quý I/2019	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh quyết định	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	4/1	4/2	4/3
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	5.777.000	7.500.000	1.890.381	1.742.148	30	23	92
I	Thu nội địa	5.115.000	6.815.000	1.753.944	1.596.234	31	23	91
1	Thu từ doanh nghiệp Nhà nước TW	455.000	455.000	89.858	124.973	27	27	139
2	Thu từ doanh nghiệp Nhà nước địa phương	410.000	450.000	119.384	180.743	44	40	151
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	320.000	320.000	73.317	76.756	24	24	105
4	Thu từ khu vực công thương nghiệp-ngoài quốc doanh	1.300.000	1.360.000	289.607	338.992	26	25	117
5	Lệ phí trước bạ	320.000	320.000	84.164	79.256	25	25	94
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	280	-			-
7	Thuế SD đất phi nông nghiệp	3.500	3.700	236	499	14	13	211
8	Thuế thu nhập cá nhân	475.000	485.000	117.034	125.397	26	26	107
9	Thuế bảo vệ môi trường	185.000	185.000	33.366	41.576	22	22	125
10	Thu phí và lệ phí	116.000	118.000	28.622	32.187	28	27	112
11	Tiền sử dụng đất	600.000	1.947.000	411.596	282.718	47	15	69

STT	Nội dung	Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	Quý I/2018	Quý I/2019	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh quyết định	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	4/1	4/2	4/3
12	Thu tiền cho thuê đất	250.000	450.000	232.758	51.182	20	11	22
13	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	35.200	43.500	9.498	37.815	107	87	398
14	Thu xổ số kiến thiết	460.000	460.000	102.848	153.682	33	33	149
15	Thu khác	180.000	183.000	49.252	48.541	27	27	99
16	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	300	9.800	67	43	14	0	64
17	Thu CT, LNST, tiền bán bớt phần vốn NN	5.000	5.000	108.000	20.158	403	403	19
18	Các khoản thu quản lý qua ngân sách		20.000	4.057	1.716		9	42
<b>II</b>	<b>Thu từ Hải quan</b>	<b>662.000</b>	<b>685.000</b>	<b>136.437</b>	<b>145.914</b>	<b>22</b>	<b>21</b>	<b>107</b>
<b>B</b>	<b>Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>4.871.485</b>	<b>6.166.437</b>	<b>1.707.474</b>	<b>1.532.038</b>	<b>31</b>	<b>25</b>	<b>90</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	2.795.820	3.462.437	665.523	829.987	30	24	125
2	Từ các khoản thu NSĐP được hưởng 100%	2.075.665	2.704.000	1.041.951	702.051	34	26	67

## THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2019 của UBND tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: triệu đồng.

A	Nội dung	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh thông qua	Số thực hiện quý I/2018	Số thực hiện quý I/2019	SO SÁNH (%)		
						2	3	4
	<b>Tổng chi NSDP</b>	<b>8.395.376</b>	<b>10.193.449</b>	<b>2.106.231</b>	<b>2.166.141</b>	26	21	103
<b>A</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>7.513.400</b>	<b>10.153.662</b>	<b>2.106.231</b>	<b>2.156.194</b>	29	21	102
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>1.576.905</b>	<b>3.137.477</b>	<b>798.942</b>	<b>774.373</b>	49	25	97
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung	1.576.905	3.070.477	798.942	774.373	49	25	97
2	Nguồn hỗ trợ từ TPHCM		20.000				0	
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết							
4	Chi trả nợ vay tín dụng 2011-2015		47.000					
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>5.785.125</b>	<b>6.472.436</b>	<b>1.279.864</b>	<b>1.314.544</b>	23	20	103
1	Chi sự nghiệp kinh tế		1.443.142	111.955	126.462		9	113
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2.504.351	2.512.506	563.002	527.981	21	21	94
3	Chi sự nghiệp y tế		611.439	116.261	185.794		30	160
4	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	22.594	22.594	6.898	8.007		35	116
5	Chi sự nghiệp văn hoá du lịch và thể thao		152.682	32.353	30.860		20	95
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình		75.535	5.059	5.497		7	109
7	Chi đảm bảo xã hội		212.243	44.682	54.920		26	123

A	Nội dung	Dự toán Bộ Tài chính giao	Dự toán HĐND tỉnh thông qua	Số thực hiện quý 1/2018	Số thực hiện quý 1/2019	SO SÁNH (%)			
						2	3	4	5
8	Chi quản lý hành chính		1.109.294	295.713	262.234			24	89
9	Chi an ninh quốc phòng địa phương		287.511	84.578	99.626			35	118
10	Chi khác ngân sách		25.490	15.306	11.447			45	75
11	Các khoản chi quản lý qua ngân sách		20.000	4.057	1.716			9	42
III	Chi trích lập quỹ phát triển đất		17.000		0				
IV	Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000		0				
V	Chi thực hiện cải cách tiền lương		164.198	8.750	41.050			25	469
VI	Chi thực hiện tinh giản biên chế theo Quyết định số 999-QĐ/TU		39.912		9.978			25	
VII	Chi cho các nhiệm vụ từ nguồn tăng thu cân đối dự toán năm 2019 so với dự toán điều chỉnh năm 2018		64.998	18.675	16.250			25	87
VIII	Chi đầu tư các dự án CNTT		70.000		0			0	
IX	Dự phòng	150.370	186.641						
B	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW	881.976	39.787		9.947			25	

Bình Phước, ngày 28 tháng 5 năm 2019

**THUYẾT MINH****Tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2019***(Kèm theo Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2019  
của UBND tỉnh Bình Phước)*

**A. Thu ngân sách nhà nước: 1.742.148 triệu đồng, bằng 30% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 23% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 8% so với cùng kỳ năm trước.**

I. Thu nội địa: 1.596.234 triệu đồng, bằng 31% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 23% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 9% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước TW: 124.973 triệu đồng, bằng 27% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 39% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương: 180.743 triệu đồng, bằng 44% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 40% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 51% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 76.756 triệu đồng, bằng 24% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ công thương nghiệp ngoài quốc doanh: 338.992 triệu đồng, bằng 26% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 25% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 17% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu lệ phí trước bạ: 79.256 triệu đồng, bằng 25% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, giảm 6% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu thuế sử dụng đất nông nghiệp: 280 triệu đồng.

- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 236 triệu đồng, bằng 14% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 13% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 111% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu thuế thu nhập cá nhân: 125.397 triệu đồng, bằng 26% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 7% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu thuế bảo vệ môi trường: 41.576 triệu đồng, bằng 22% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 25% so với cùng kỳ năm trước.



- Thu phí, lệ phí: 32.187 triệu đồng, bằng 28% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 27% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu tiền sử dụng đất: 282.718 triệu đồng, bằng 47% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 15% dự toán HĐND tỉnh thông qua, giảm 31% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu tiền thuê đất: 51.182 triệu đồng, bằng 20% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 11% dự toán HĐND tỉnh thông qua, giảm 78% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 37.815 triệu đồng, bằng 107% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 87% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 298% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu xổ số kiến thiết: 153.682 triệu đồng, bằng 33% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 49% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu khác ngân sách: 48.541 triệu đồng, bằng 27% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, giảm 1% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế: 20.158 triệu đồng, bằng 403% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, giảm 81% so với cùng kỳ năm trước.

- Các khoản thu quản lý qua ngân sách: 1.716 triệu đồng, bằng 9% dự toán HĐND tỉnh thông qua, giảm 58% so với cùng kỳ năm trước.

II. Thu từ Hải quan: 145.914 triệu đồng, bằng 22% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 21% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 7% so với cùng kỳ năm trước.

**B. Chi ngân sách địa phương: 2.166.141 triệu đồng, bằng 26% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 21% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước.**

I. Chi đầu tư phát triển (bao gồm chi quyết toán các công trình năm trước chuyển sang): 774.373 triệu đồng, bằng 49% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 25% dự toán HĐND tỉnh thông qua, giảm 3% so với cùng kỳ năm trước.

II. Chi thường xuyên: 1.314.544 triệu đồng, bằng 23% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 20% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó:

1. Chi sự nghiệp kinh tế: 126.462 triệu đồng, đạt 9% dự toán HĐND tỉnh thông qua và tăng 13% so với cùng kỳ năm trước.

2. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 527.981 triệu đồng, đạt 21% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước.

3. Chi sự nghiệp y tế: 185.794 triệu đồng, đạt 30% dự toán HĐND tỉnh thông qua và tăng 60% so với cùng kỳ năm trước.

4. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 8.007 triệu đồng, đạt 35% dự toán HĐND tỉnh thông qua và tăng 16% so với cùng kỳ năm trước.

5. Chi sự nghiệp văn hóa - thể thao và du lịch: 30.860 triệu đồng, đạt 20% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 5% so với cùng kỳ năm trước.

6. Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình: 5.497 triệu đồng, đạt 7% dự toán HĐND tỉnh thông qua và tăng 9% so với cùng kỳ năm trước.

7. Chi đảm bảo xã hội: 54.920 triệu đồng, đạt 26% dự toán HĐND tỉnh thông qua và tăng 23% so với cùng kỳ năm trước.

8. Chi quản lý hành chính: 262.234 triệu đồng, đạt 24% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 11% so với cùng kỳ năm trước.

9. Chi an ninh - quốc phòng: 99.626 triệu đồng, đạt 35% dự toán HĐND tỉnh thông qua và tăng 18% so với cùng kỳ năm trước.

10. Chi khác ngân sách: 11.447 triệu đồng, đạt 45% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 25% so với cùng kỳ năm trước.

11. Các khoản chi quản lý qua ngân sách: 1.716 triệu đồng, đạt 9% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 58% so với cùng kỳ năm trước.

II. Chi thực hiện cải cách tiền lương: 41.050 triệu đồng, đạt 25% dự toán HĐND tỉnh thông qua và tăng 369% so với cùng kỳ năm trước.

III. Chi thực hiện tinh giản biên chế theo Quyết định số 999-QĐ/TU: 9.978 triệu đồng, đạt 25% dự toán HĐND tỉnh thông qua.

IV. Chi cho các nhiệm vụ từ nguồn tăng thu cân đối dự toán năm 2019 so với dự toán điều chỉnh năm 2018: 16.250 triệu đồng, đạt 25% dự toán HĐND tỉnh thông qua và giảm 13% so với cùng kỳ năm trước.

V. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW: 9.947 triệu đồng, đạt 25% dự toán HĐND tỉnh thông qua.

